TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HSPT
Ngày: 11/8/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Phước Hòa**

Các thẩm phán: Ông **Trần Đức Kiên**

Ông **Lê Văn Thường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 211/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 04 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Duy K về tội "*Buôn lậu*". Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Duy K (tên gọi khác: T), sinh ngày 25/02/1975 tại Hưng Yên; nơi thường trú: P415, nhà K, tập thể H, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện tại: Số nhà A, ngõ D đường C, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Duy S, sinh năm 1945 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1949; Vợ: Trần Thị L, sinh năm 1986 (đã ly hôn), con: Có 01 con sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2023, được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy K*:* Luật sư Đỗ Hoàng G, Văn phòng L4 - Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: D đường N, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01 tháng 11 năm 2010, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q khởi tố vụ án, khởi tố các bị can Nguyễn Duy K và Hồ Tấn H1 về tội "Buôn lậu" quy định tại khoản 4 Điều 153 Bộ luật Hình sự 1999, xảy ra tại Công ty TNHH B. Quá trình điều tra, K bỏ trốn nên ngày 17 tháng 01 năm 2011 bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q ra Quyết định truy nã số 02/QĐTN-PC46; Ngày 15 tháng 11 năm 2013, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã xét xử vụ án đối với Hồ Tấn H1 và tuyên phạt H1 07 năm tù.

Vào lúc 15 giờ 00 ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại số nhà A Ngõ D đường C, phường C, quận B, thành phố Hà Nội, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q phối hợp với Công an phường C, phát hiện Nguyễn Duy K đang trốn tại địa chỉ trên nên đã tiến hành bắt giữ đưa về trụ sở Công an phường C để làm việc.

Quá trình điều tra, Nguyễn Duy K khai nhận:

Đầu năm 2010, trong một lần đi lên cửa khẩu M3, tỉnh Quảng Ninh chơi Nguyễn Duy K gặp một người đàn ông Trung Quốc (nói được tiếng Việt Nam, không xác định được nhân thân, lai lịch). Người này đặt vấn đề với K về việc làm hàng tạm nhập tái xuất qua Trung Quốc đồng thời hướng dẫn K làm hồ sơ, thủ tục mở Công ty để thực hiện việc tạm nhập hàng hoá vào nội địa sau đó tái xuất qua Trung Quốc. Sau một thời gian tìm hiểu các cửa khẩu dọc biên giới các tỉnh miền T, Nguyễn Duy K lựa chọn cửa khẩu L5 vì ở đây có khu T, đường giao thông và hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá rất thuận lợi. K đã trực tiếp hoặc nhờ nhiều cá nhân đứng tên thành lập một số Công ty bao gồm:

(1). Công ty TNHH A (địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị), vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng, bà Lê Thu H5 (trú tại: Số I, ngõ D, phố T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội) làm giám đốc và Vũ Văn T1 (trú tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình) là thành viên góp vốn.

(2). Công ty TNHH C1 (địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị), vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng, ông Bùi Xuân V1 (trú tại: Tổ F, khu phố F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh) làm giám đốc và K là thành viên góp vốn.

(3). Công ty TNHH M4 (địa chỉ: Nhà C10 Trung tâm thương mại Đ1, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị), vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị M (trú tại: Nhà C KTM Đ, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị) làm giám đốc và bà Nguyễn Thùy L1 (trú tại: Nhà C KTM Đ, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị) là thành viên góp vốn.

(4). Công ty TNHH A1 (địa chỉ: Trung tâm C2, M, Quảng Bình), Nguyễn Duy K làm giám đốc.

(5). Công ty Cổ phần B (địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị, gọi tắt là công ty B), vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng, có 04 cổ đông sáng lập gồm: Nguyễn Duy K (940.000 cổ phần/1.000.000 cổ phần, chiếm 94%), Bùi Xuân V1 (20.000 cổ phần/1.000.000 cổ phần, chiếm 2%), Hồ Tấn H1 (20.000 cổ phần/1.000.000 cổ phần, chiếm 2%), Bùi Ngọc L2 (20.000 cổ phần/1.000.000 cổ phần, chiếm 2%). Nguyễn Duy K là Chủ tịch HĐQT, Hồ Tấn H1 là Giám đốc Công ty. Theo điều lệ và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Hồ Tấn H1

chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Sau khi thành lập Công ty B, Nguyễn Duy K đã liên hệ với một số người tại khu T và đồng thời chỉ đạo Hồ Tấn H1 dò hỏi giá hàng hoá bao gồm bia Henieken, nước giải khát R (bò húc) để thông báo cho người đàn ông Trung Quốc. Sau khi thống nhất được giá, K và người đàn ông Trung Quốc này thống nhất như sau:

Nguyễn Duy K có trách nhiệm tìm kiếm nguồn hàng, thống nhất giá với người đàn ông Trung Quốc. Sau đó mở tờ khai nhập khẩu về Việt Nam qua cửa khẩu L5, làm hồ sơ tái xuất qua Trung Quốc. Người đàn ông Trung Quốc cung cấp thông tin công ty tại Trung Quốc (Công ty TNHH -, huyện T-trụ sở tại: số C đường T, huyện T, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) nhập khẩu hàng để K làm hồ sơ tái xuất. K chỉ đạo Hồ Tấn H1 liên hệ mua hàng và làm hồ sơ tạm nhập, tái xuất đi Trung Quốc.

Sau khi mua hàng hoá và làm hồ sơ tái xuất xong, K đưa hàng hoá từ cửa khẩu L5 về nội địa giao cho người đàn ông Trung Quốc kèm theo hồ sơ hải quan để người này tái xuất hàng hoá qua Trung Quốc và làm các thủ tục hải quan. Theo thoả thuận ban đầu, K bàn giao hàng hoá còn trách nhiệm xuất hàng qua Trung Quốc và hoàn tất hồ sơ tái xuất do người đàn ông Trung Quốc thực hiện. Tiền mua hàng và chi phí vận chuyển người này đưa cho K trước, sau khi bàn giao hàng hoá, hồ sơ thì K được nhận tiền công khoảng 20 triệu đồng/01 C. Sau khi trừ tiền công trả cho người áp tải hàng, kế toán, anh H1 và những người mở tờ khai, số tiền còn lại khoảng 05 đến 08 triệu/01 xe K được hưởng.

Để thực hiện thoả thuận với người đàn ông này, K chỉ đạo Hồ Tấn H1, Bùi Ngọc L2 và lái xe vận chuyển giao hàng và giấy tờ hải quan cho người đàn ông Trung Quốc. Một thời gian sau, người này đưa lại hồ sơ đã có xác nhận hải quan cho Nguyễn Duy K để chuyển cho Hồ Tấn H1 nộp cho cơ quan hải quan.

Trong thời gian này, K dò hỏi thì được biết tại cửa khẩu M3 có một số người làm dịch vụ hồ sơ tái xuất đi Trung Quốc (đóng dấu hồ sơ hải quan xuất khẩu nhưng thực tế không có hàng tái xuất qua Trung Quốc mà bán nội địa). Sau đó, K đã liên hệ được với một người đàn ông tên H2 (người ở M, chưa xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ ở đâu) nhận làm hồ sơ với giá 30 triệu đồng/1 bộ. Tại thời điểm này, giá bia H3 và nước giải khát R1 (bò húc) nếu bán nội địa mỗi Conteiner hàng sau khi trừ chi phí sẽ lời khoảng 50 đến 60 triệu đồng tuỳ thời điểm. Nếu trừ đi 30 triệu đồng tiền làm hồ sơ, tiền chi phí nhân công (kế toán, người áp tải hàng ...) thì mỗi Conteiner hàng có lợi nhuận là 20 đến 30 triệu đồng. Sau đó, K đi tìm hiểu thì có rất nhiều người có nhu cầu mua hàng nên nảy sinh ý định sẽ mang hàng hoá đi bán trong nội địa và nhờ người đàn ông tên H2 làm hồ sơ tái xuất đi Trung Quốc. Sau đó, một số lô hàng của công ty B và công ty A, K đã không xuất hàng hoá theo quy định như hợp đồng đã ký kết mà bán hàng cho các cá nhân và đại lý ở trong nước để thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Hành vi phạm tội của Nguyễn Duy K liên quan đến hoạt động tạm nhập, tái xuất hàng hoá của Công ty B.

Sau khi thành lập Công ty B, Nguyễn Duy K phân công chỉ đạo Hồ Tấn H1 liên hệ mua hàng hoá để nhập khẩu vào khu thương mại Lao Bảo hoặc mua hàng

hoá của các Công ty tại cửa khẩu L5 đã nhập khẩu hàng hoá vào khu T trước đó, sau đó làm thủ tục tái xuất sang Trung Quốc. Hồ Tấn H1 chịu trách nhiệm mua hàng hoá, làm thủ tục nhập khẩu vào khu T, liên hệ xe vận chuyển và mở tờ khai xuất khẩu sang Trung Quốc. Sau đó bàn giao hàng hoá và giấy tờ cho Nguyễn Duy K; việc bán hàng, giao nhận hàng hoá và làm thủ tục tái xuất do Nguyễn Duy K thực hiện. Công ty B đã mở 11 Tờ khai tái xuất hàng hoá qua Trung Quốc, trong đó có 08 lô hàng K giao hàng và hồ sơ cho người đàn ông Trung Quốc và đã được Cơ quan hải quan tỉnh Quảng Ninh xác nhận thông quan, gồm:

Lô hàng theo tờ khai hải quan có các số: 305/XK/TX/B033 ngày 30 tháng 7 năm 2010; 306/XK/TX/B033 ngày 04 tháng 08 năm 2010; 307/XK/TX/B033 ngày 04 tháng 8 năm 2010; 308/XK/TX/B033 ngày 12 tháng 8 năm 2010; 321/XK/TX/B033 ngày 24 tháng 8 năm 2010; 340/XK/TX/B033 ngày 10 tháng 9 năm 2010; 195/XKD/KTM-NN/M001 ngày 19 tháng 9 năm 2010 và 196/XKD/KTM-NN/M001 ngày 22 tháng 9 năm 2010.

* Đối với 03 lô hàng còn lại, Nguyễn Duy K bán ở nội địa nên không được Cơ quan hải quan xác nhận thông quan, cụ thể:

Lô hàng thứ nhất theo Tờ khai số 185/XK/KD/KTM-NN/M001 ngày 01/9/2010;

Ngày 20 tháng 8 năm 2010, Công ty B 24H mở tờ khai nhập khẩu hàng hoá số 350/NK/KD14/B033 nhập khẩu 5.400 thùng nước giải khát Redbull loại 250ml x 24lon/thùng. Ngày 01/09/2010, Công ty B mua của Công ty TNHH MTV D2 (địa chỉ: Thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị), số lượng 300 thùng bia Heneiken loại 500ml/lon, 24 lon/thùng. Ngày 01 tháng 9 năm 2010, Công ty B 24H mở tờ khai xuất khẩu số 185/XK/KD/KTM-NN/B033 để xuất 5.000 thùng nước giải khát Redbull loại 250ml x 24lon/thùng và 300 thùng bia Heneiken loại 500ml/lon, 24 lon/thùng đi Trung Quốc. Toàn bộ hàng hoá được đóng trong Container GLDU-7206057, seal hải quan H.09.02.33612, phương tiện vận chuyển là xe ô tô mang BKS 16L - 9697, mooc 16R-3670 (*xe thuộc sở hữu của công ty Cổ phần V2*). Lô hàng trên được Hồ Tấn H1 chỉ đạo Hồ Văn T2 đến Chi cục hải quan khu thương mại L6 để làm thủ tục xuất khẩu qua Trung Quốc. Sau khi hoàn tất hồ sơ, Hồ Tấn H1 bàn giao giấy tờ thủ tục hải quan cho lái xe Nguyễn Tăng K1 và chỉ đạo vận chuyển hàng ra Hà Nội để bàn giao cho Nguyễn Duy K. Bùi Xuân V1 và Bùi Ngọc L2 được Nguyễn Duy K chỉ đạo ra bãi đỗ xe Y thuộc xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội nhận hàng và bàn giao hàng cho Công ty TNHH P. Bùi Ngọc L2 đã nhận số tiền 400 triệu đồng tiền từ Công ty TNHH P và nhận hồ sơ do Nguyễn Tăng K1 bàn giao cho Nguyễn Duy K. Sau khi bán hết số hàng trên trong nội địa Nguyễn Duy K đưa hồ sơ cùng số tiền 30.000.000 đồng cho người đàn ông tên H2 để làm thủ tục đóng dấu hải quan xuất tại cửa khẩu M3. Tuy nhiên, H2 không đưa trả hồ sơ lại cho K, vì vậy trên tờ khai hàng hoá nhập khẩu số 185/XK/KD/KTM-NN/M001 ngày 01 tháng 9 năm 2010 không được Chi cục Hải quan cửa khẩu M3, tỉnh Quảng Ninh xác nhận thông quan.

Lô hàng thứ hai theo tờ khai hải quan số 189/XK/KD/KTM-NN/M001 ngày 05/9/2010;

Ngày 20 tháng 8 năm 2010, Công ty B 24H mở tờ khai nhập khẩu hàng hoá

số 346/NK/KD14/B033 nhập khẩu 4.700 thùng nước giải khát Redbull loại 250ml x 24lon/thùng. Ngày 05 tháng 9 năm 2010, Công ty B mua của Công ty TNHH MTV Y (địa chỉ: C. T5 – TKTTMĐB Lao Bảo) số lượng: 300 thùng bia Heineken loại 500ml x24lon. Ngày 05 tháng 09 năm 2010, Công ty B 24H mở tờ khai xuất khẩu số 189/ XK/KD/KTM-NN/M001 để xuất 5.000 thùng nước giải khát Redbull loại 250ml x 24lon/thùng (Trong đó 4.700 thùng theo tờ khai hải quan số 346/NK/KD14/B033 và 300 thùng theo Tờ khai hải quan số 350/NK/KD14/B033) và 300 thùng bia Heneiken loại 500ml/lon, 24 lon/thùng đi Trung Quốc. Toàn bộ hàng hoá được đóng trong Container GLDU-7206057, phương tiện vận chuyển là xe ô tô 16L-9697 + mooc 16R-3670 (xe thuộc sở hữu của công ty Cổ phần V2) và seal hải quan H.09.02.33612. Lô hàng trên được Hồ Tấn H1 chỉ đạo Hồ Văn T2 đến Chi cục hải quan khu thương mại L6 để làm thủ tục xuất khẩu qua Trung Quốc. Sau khi hoàn tất hồ sơ, Hồ Tấn H1 bàn giao hồ sơ cho Bùi Ngọc L2 áp tải hàng. Lô hàng sau đó được Nguyễn Duy K bán 1.500 thùng nước giải khát Redbull cho 01 người phụ nữ tên M1 tại thành phố Đ. Số hàng còn lại bán cho Công ty TNHH P (3499 thùng +12 lon nước giải khát Redbull và 299 thùng bia Heneiken). Bùi Ngọc L2 và Bùi Xuân V1 là người trực tiếp giao hàng cho Công ty P. L2 đã nhận số tiền 721.447.000 đồng từ Nguyễn Thị Minh D (kế toán Công ty P), sau khi trừ một số khoản chi phí, L2 đưa lại cho Nguyễn Thị Kim D1 (vợ K) số tiền 710.117.000 đồng (trong đó 598.117.000 đồng tiền mặt và 112.000.000 đồng chuyển qua tài khoản của người phụ nữ tên H4 bạn của D1) và hồ sơ hải quan. D1 đã đưa hồ sơ và tiền nhận từ L2 cho Nguyễn Duy K. Nguyễn Duy K tiếp tục đưa hồ sơ cùng số tiền 30.000.000 đồng cho người đàn ông tên H2 để làm thủ tục, đóng dấu hải quan xuất tại cửa khẩu M3. Tuy nhiên, H2 không đưa trả hồ sơ lại cho K. Vì vậy, trên tờ khai hàng hoá nhập khẩu số 189/XK/KD/KTM-NN/M001 ngày 05 tháng 9 năm 2010 không được Chi cục Hải quan cửa khẩu M3, tỉnh Quảng Ninh xác nhận thông quan.

Lô hàng thứ ba theo tờ khai hải quan số 358/XK/TX/B033 ngày 29/09/2010;

Ngày 28 tháng 9 năm 2010, Công ty B 24H mở tờ khai nhập khẩu hàng hoá số 496/NK/NTX/B033 nhập khẩu 4.700 thùng nước giải khát Redbull loại 250ml x 24lon/thùng. Ngày 29/9/2010, Công ty B 24H mở tờ khai xuất khẩu hàng hoá số 358/NK/TX/B033 để xuất khẩu 4.700 thùng nước giải khát Redbull loại 250ml x 24lon/thùng đi Trung Quốc. Toàn bộ hàng hoá được đóng trong Container MOLU 1126560 và seal hải quan A.09.016.2552, phương tiện vận chuyển 57L-6648 mooc 51R9026 (xe thuộc sở hữu của công ty TNHH T6). Hồ Tấn H1 bàn giao hàng hoá và hồ sơ cho lái xe Bùi Chiến C vận chuyển ra thành phố T bàn giao cho người mua hàng theo sự chỉ đạo của Nguyễn Duy K. Toàn bộ số hàng trên được bán cho Trịnh Đình T3 (trú tại: B L, phường L, thành phố T). Sau khi giao hàng xong, Bùi Chiến C bàn giao hồ sơ cho Nguyễn Như Đ để đưa lại cho Nguyễn Duy K. Lô hàng này, K tiếp tục đưa hồ sơ cùng số tiền 30.000.000 đồng cho người đàn ông tên H2 để làm thủ tục đóng dấu hải quan xuất tại cửa khẩu M3. Tuy nhiên, H2 không đưa trả hồ sơ lại cho K. Vì vậy, trên tờ khai hàng hoá nhập khẩu số 358/XK/KD/KTM-NN/M001 ngày 05 tháng 9

năm 2010 không được Chi cục Hải quan cửa khẩu M3, tỉnh Quảng Ninh xác nhận thông quan.

Kết quả điều tra, Nguyễn Duy K khai nhận trước khi bán nội địa 03 lô hàng trên đã bàn bạc và thống nhất với Hồ Tấn H1. Tuy nhiên việc bán hàng, giao nhận hàng hoá diễn ra đã lâu nên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh người mua hàng, số lượng, trị giá hàng hoá bao nhiêu.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Trị định giá xác định tại thời điểm vi phạm, số hàng trong 03 lô hàng theo tờ khai số 185/XK/KD/KTM-NN/M001 ngày 01/9/2010, 189/XK/KD/KTM-NN/M001 ngày 05 tháng 9 năm 2010 và 355/XK/TX/B033 ngày 29 tháng 09 năm 2010 nêu trên có trị giá là: 2.446.560.000 đồng (*Hai tỷ bốn trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Quá trình điều tra vụ án nêu trên, ngày 22 tháng 6 năm 2024, Nguyễn Duy K đã có hành vi tự thú về hành vi "Buôn lậu" (đã được khởi tố vụ án) xảy ra tại Công ty TNHH A, cụ thể như sau:

2. Hành vi phạm tội của Nguyễn Duy K liên quan đến hoạt động tạm nhập, tái xuất hàng hoá của Công ty TNHH A;

Sau khi Nguyễn Duy K và Hồ Tấn H1 thực hiện hành vi tạm nhập, tái xuất 11 lô hàng của Công ty Cổ phần Q. Trong đó có 03 lô hàng được Nguyễn Duy K bán nội địa và Cơ quan hải quan không xác nhận thông quan bị cơ quan chức năng phát hiện. Nguyễn Duy K tiếp tục sử dụng pháp nhân của Công ty TNHH A để mở tờ khai tạm nhập, tái xuất 01 lô hàng sau đó tiếp tục bán nội địa.

Lê Thị Thu H5 và Vũ Văn T1 đều là những người làm công, được Nguyễn Duy K nhờ đứng tên pháp nhân Công ty, mọi hoạt động của Công ty đều do K trực tiếp chỉ đạo, thực hiện. Quá trình điều tra xác định ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty TNHH A mở tờ khai hàng hoá nhập khẩu số: 505/NK/NTX/B033 và tờ khai hàng hoá xuất khẩu số: 367/XK/XT/B033 tái xuất qua cửa khẩu M3, tỉnh Quảng Ninh để qua Trung Quốc. Trên hồ sơ thể hiện ông Trương Minh K2 là người đại diện Công ty mở tờ khai. Lô hàng gồm 5.500 thùng nước giải khát R2 (loại 250ml, 24 lon/thùng, do Thái Lan sản xuất), số hiệu Conteiner MOLU 1127989, số seal hải quan A.09.0162579, vận chuyển trên xe ô tô mang BKS 57L-6947 mooc 57R-9027. Lô hàng này được K trực tiếp làm hồ sơ nhưng giao cho Trương Minh K2 mở tờ khai hải quan. Sau khi hoàn tất hồ sơ khai hải quan, Trương Minh K2 đưa hồ sơ cho Hồ Tấn H1. Nguyễn Duy K chỉ đạo H1 đến kiểm tra lô hàng và giao giấy tờ cho lái xe vận chuyển hàng ra Hà Nội giao cho K. Nguyễn Duy K không xác định được đã bán cho ai, ở đâu, số lượng bao nhiêu, số tiền hưởng lợi như thế nào. Sau khi nhận lô hàng trên, K xuất bán nội địa, không tái xuất qua Trung Quốc và đưa hồ sơ cùng 30.000.000 đồng cho người đàn ông tên H2 để làm thủ tục đóng dấu hải quan xuất tại cửa khẩu M3. Tuy nhiên, H2 không đưa hồ sơ trả lại cho K. Vì vậy, trên tờ khai hàng hoá nhập khẩu số 367/XK/KD/KTM-NN/M001 ngày 05 tháng 9 năm 2010 không được Chi cục Hải quan cửa khẩu M3, tỉnh Quảng Ninh xác nhận thông quan.

- Bản kết luận giám định số 66/KLGĐ/PC54 ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Phòng K3 Công an tỉnh Q kết luận:

+ Chữ ký mang tên Hồ Tấn H1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu B1,

B2, C3, C4, D1.1, D1.2, D1.3, D1.4, D1.5, D1.6, D1.7, D1.8, D2.3, D3.1, D3.2, D3.3, D3.5, D3.6, D3.7, D3.8, D5.1, D5.2 là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký mang tên Hồ Tấn H1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, C1, C2, D2.1, D2.2, D3.4, D4, E, G, H với chữ ký mang tên Hồ Tấn H1 trên tài liệu mẫu so sách ký hiệu H1, H2, H3 chữ của một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Duy K trên các tài liệu cần giám định ký hiệu G, H với chữ ký mang tên Nguyễn Duy K trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu K1, K2 là chữ của một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Bùi Ngọc L2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu G, H với chữ ký mang tên Bùi Ngọc L2 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu P1, P2 là chữ ký của một người ký ra.

- Bản kết luận giám định số 120/KLGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2013 của Phòng K3 Công an tỉnh Q kết luận:

Dòng chữ "6/9 chị đã nhận đủ 1500 két bò" ghi bằng mực màu đen tại dòng thứ 15 từ trên xuống trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là chữ của một người viết ra.

- Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 05/KLĐGTS ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Trị kết luận:

+ Nước giải khát Redbull do Thái Lan sản xuất (quy cách 250ml/1 lon, 24 lon/1 thùng) tại thời điểm tháng 7, 8, 9 năm 2010 đơn giá là: 148.800 đồng/1 thùng.

+ Bia Heneiken do Hà L3 sản xuất (quy cách 500ml/ 1 lon, 24 lon/ 1 thùng) tại thời điểm tháng 9/2010, đơn giá: 432.000 đồng/ 1 thùng.

+ Bia Heneiken do M2 sản xuất (quy cách 500ml/ 1 lon, 24 lon/ 1 thùng) tại thời điểm tháng 9/2010, đơn giá: 432.000 đồng/ 1 thùng

- Bản kết luận giám định số: 55/KLGĐ/PC54 ngày 13 tháng 04 năm 2011 của Phòng K3 Công an tỉnh Q kết luận:

+ Chữ ký mang tên Lê Thu H5 trên tài liệu cần giám định ký hiệu N1, ký hiệu N2 (N2.1, N2.2) là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký mang tên Lê Thu H5 trên tài liệu cần giám định kí hiệu N4, N6 và N7 với chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M4, M5, M6 là chữ của một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Duy K trên tài liệu kí hiệu N7 với chữ ký mang tên Nguyễn Duy K trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu K1, K2 là chữ của một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Vũ Văn T1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu N3, N4, N5, N6 và N7 với chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 không phải chữ của một người ký ra.

- Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Trị giá 5.500 thùng nước giải khát R2 (loại 250ml, 24 lon/thùng, do Thái Lan sản xuất) là 814.000.000 đồng (*Tám trăm mười bốn triệu đồng*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 17/3/2025, Tòa án

nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

"1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy K phạm tội "Buôn lậu".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188 của BLHS; điểm b, s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

*Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K hình phạt tiền, số tiền **1.700.000.000** đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng).*

Do bị cáo bị xử phạt bằng hình phạt tiền là hình phạt chính, nên ra quyết định trả tự do cho bị cáo Nguyễn Duy K tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác theo khoản 3 Điều 328 BLTTHS.

*2. Buộc bị cáo Nguyễn Duy K phải nộp lại số tiền **3.260.560.000** đồng, là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước (Nhưng được trừ với số tiền 100.000.000 đồng mà gia đình bị cáo K đã nộp để khắc phục hậu quả, theo biên lai thu tiền số 0000214 ngày 27/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị). Vì vậy, bị cáo Nguyễn Duy K còn phải tiếp tục nộp số tiền **3.160.560.000** đồng (Ba tỷ một trăm sáu mươi triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước".*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/4/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10/QĐ-VC2 kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà áp dụng hình phạt tù có thời hạn là hình phạt chính đối với bị cáo Nguyễn Duy K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 10/QĐ-VC2 ngày 16/4/2025.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo Nguyễn Duy K về tội "*Buôn lậu*" theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Duy K phạm tội có mức hình phạt tù từ 12 đến 20 năm là thuộc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng theo điểm d khoản 1 Điều 9 BLHS năm 2015. Thế nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên phạt bị cáo hình phạt chính là hình phạt tiền, với số tiền 1.700.000.000 đồng là không đúng với quy định của pháp luật. Sau khi bị bắt bị cáo khai thêm 01 lô hàng của Công ty A do đó tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Tự thú*" quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 không ảnh hưởng lớn đến tính chất, mức độ nguy hiểm của toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Duy K là người chủ mưu, cầm đầu, giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo là người đã chỉ đạo bị cáo Hồ Tấn H1 thực hiện hành vi phạm tội "Buôn lậu", bị cáo Hồ Tấn H1 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử và tuyên phạt 07 năm tù về tội "*Buôn lậu*", trong khi bị cáo Nguyễn Duy K lại bị xử phạt tiền là hình phạt chính với số tiền 1.700.000.000

đồng là không có tính khả thi, không phù hợp, không công bằng so với bị cáo Hồ Tấn H1 trong cùng vụ án; vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội là "kẻ chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy" quy định tại Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào năm 2010, bị cáo Nguyễn Duy K đã trực tiếp và thuê người thành lập nhiều công ty tại huyện H, tỉnh Quảng Trị, trong đó có Công ty Trách nhiệm hữu hạn A, Công ty B 24H để hoạt động tạm nhập, tái xuất hàng hóa từ Khu T qua Trung Quốc. Bị cáo Nguyễn Duy K đã lợi dụng chính sách tạm nhập, tái xuất hàng hoá của Nhà nước để thực hiện hành vi tiêu thụ hàng hoá trong lãnh thổ nước C3 khi đang chịu sự giám sát của Cơ quan hải quan với giá trị hàng hoá là **3.260.560.000** đồng**.** Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Duy K đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Buôn lậu*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự, Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm vào "tội buôn lậu" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự là đúng tội danh, khung hình phạt.

[2] Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử bị cáo Nguyễn Duy K về tội "*Buôn lậu*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ. Tại khoản 1 Điều 35 BLHS năm 2015 quy định phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với các trường hợp sau đây: a) Người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định; b) Người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật này quy định. Như vậy, hình phạt tiền không được áp dụng là hình phạt chính đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo Nguyễn Duy K phạm tội "*Buôn lậu*" theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù từ 12 đến 20 năm là thuộc **tội phạm đặc biệt nghiêm trọng** theo điểm d khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo hình phạt chính là hình phạt tiền, với số tiền 1.700.000.000 đồng là không đúng với quy định của pháp luật nên cấp phúc thẩm chấp nhận quyết định kháng nghị theo hướng không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà áp dụng hình phạt tù có thời hạn là hình phạt chính đối với bị cáo Nguyễn Duy K.

[3] Xét về hình phạt:

[3.1] Bị cáo được áp dụng những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo nộp lại một phần tiền thu được do hành vi buôn lậu là 100 triệu đồng, Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không

đúng với pháp luật (Án lệ số 48/2021/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 25/11/2021) mà bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi bị bắt bị cáo khai thêm 01 lô hàng của Công ty A do đó được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Tự thú*" quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và quá trình giải quyết vụ án bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Như vậy, bị cáo được áp dụng 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[3.2] Hình phạt đối với bị cáo:

Sau khi bị bắt bị cáo khai thêm 01 lô hàng của Công ty A được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Tự thú*" nhưng việc tự thú của bị cáo không ảnh hưởng lớn đến tính chất, mức độ nguy hiểm của toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Duy K là người chủ mưu, cầm đầu, giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo là người đã chỉ đạo bị cáo Hồ Tấn H1 thực hiện hành vi phạm tội "*Buôn lậu*" nên hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Duy K phải cao hơn so với bị cáo Hồ Tấn H1. Trong khi đó, bị cáo Hồ Tấn H1 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử và tuyên phạt 07 năm tù về tội "*Buôn lậu*".

Vì vậy, có cơ sở để chấp Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (cũ) theo hướng không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Duy K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 10/QĐ-VC2 ngày 16/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (cũ), sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 17/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188 của BLHS; các điểm b, s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 47 BLHS,

1. xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K 08 (tám) năm tù về *"Tội buôn lậu"*, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 23/12/2023 đến ngày 17/3/2025.

2. Buộc bị cáo Nguyễn Duy K phải nộp lại số tiền **3.260.560.000** đồng, là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước (Nhưng được trừ với số tiền 100.000.000 đồng mà gia đình bị cáo K đã nộp để khắc phục hậu quả, theo biên lai thu tiền số 0000214 ngày 27/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị). Vì vậy, bị cáo Nguyễn Duy K còn phải tiếp tục nộp số tiền **3.160.560.000** đồng (*Ba tỷ một trăm sáu mươi triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

3. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Duy K không phải chịu án phí hình

sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngay tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSNDTC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các bị cáo, bị hại (theo địa chỉ);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hòa